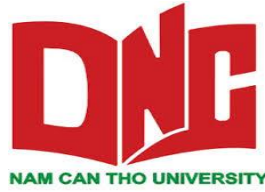


TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LUẬT HÌNH SỰ 2

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

CẦN THƠ – 2018

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC LUẬT HÌNH SỰ 2

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật hình sự 2
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật kinh tế
+ Bachelor: Đại học
+ Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- Giảng viên phụ trách: Bộ môn Luật Kinh tế
- Địa chỉ Khoa Luật: Phòng C1-01, Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Nguyễn Văn Cừ (Núi dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Luật hình sự 2, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu được các dấu hiệu đặc trưng của từng tội phạm cụ thể;
- Xác định được những dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm cụ thể;
- Phân tích được tính chất nguy hiểm của từng loại tội và mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể;
- Nêu được sự giống nhau và khác nhau của các tội phạm cụ thể;

2.2. Về kỹ năng

- Áp dụng kiến thức đã học để thực hiện việc định tội danh đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể;
- Bình luận được các vụ án hình sự;
- Thành thạo kỹ năng phân tích tình huống và xác định điều luật cần áp dụng trong tình huống phạm tội cụ thể.
- Hình thành và phát triển được năng lực thu thập, xử lý thông tin, kỹ năng tổng hợp, phân tích, so sánh, hệ thống hoá, bình luận, đánh giá các vấn đề trong luật hình sự;
- Xây dựng được hệ thống căn cứ pháp lý để giải quyết tình huống cụ thể của luật hình sự;
- Thành thạo kỹ năng phân tích tình huống và xác định điều luật cần áp dụng trong

tình huống phạm tội cụ thể.

- Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kỹ năng lập luận, hùng biện của người học;

- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

2.4. Về thái độ

- Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

- Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;

- Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

- Hình thành, củng cố và nâng cao ý thức trách nhiệm của người cán bộ thực hiện nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến luật hình sự;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

<i>Vấn đề/ Bậc nhận thức</i>	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Vấn đề 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	1A1. Nêu được tên gọi 2 nhóm tội trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia. 1A2. Nêu được dấu hiệu pháp lý cấu thành các tội phạm quy định tại Điều 108 và Điều 109 BLHS. 1A3. Nêu được dấu hiệu	1B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của các tội phạm quy định tại Điều 108 và Điều 109 BLHS. 1B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của các tội phạm quy định tại các điều 110, 111, 112, 113,	1C1. Nhận xét được sự khác biệt về dấu hiệu pháp lý giữa 2 tội phạm quy định tại Điều 108 và Điều 109 BLHS. 1C2. Nhận xét

	<p>pháp lý của các tội phạm quy định tại các điều 110, 111, 112, 113, 114 BLHS.</p> <p>1A4. Nêu được dấu hiệu pháp lý của các tội phạm quy định tại các điều 115, 119, 120, 121 BLHS.</p>	<p>114 BLHS.</p> <p>1B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của các tội phạm quy định tại các điều 115, 119, 120, 121 BLHS.</p> <p>1B4. Áp dụng được các quy định của BLHS về các tội xâm phạm an ninh quốc gia để giải quyết tình huống cụ thể.</p>	<p>được sự khác biệt về dấu hiệu pháp lý giữa các tội phạm quy định tại các điều 110, 111, 112, 113, 114 BLHS.</p> <p>1C3. Nhận xét được sự khác biệt về dấu hiệu pháp lý giữa các tội phạm quy định tại các điều 115, 119, 120, 121 BLHS.</p>
<p>Vấn đề 2. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người</p>	<p>2A1. Nêu được khái niệm và đặc điểm chung của các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người.</p> <p>2A2. Nêu được định nghĩa tội giết người.</p> <p>2A3. Nêu được định nghĩa tội giết con mới đẻ.</p> <p>2A4. Nêu được định nghĩa tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.</p> <p>2A5. Nêu được định nghĩa tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.</p> <p>2A6. Nêu được định nghĩa</p>	<p>2B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý cấu thành tội giết người. Cho được ví dụ.</p> <p>2B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội giết con mới đẻ. Cho được ví dụ.</p> <p>2B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Cho được ví dụ.</p> <p>2B4. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Cho được ví dụ.</p>	<p>2C1. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội giết người (Điều 123 BLHS) với tội giết con mới đẻ (Điều 124 BLHS).</p> <p>2C2. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội giết người với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS).</p> <p>2C3. Nhận xét</p>

	<p>tội làm chết người trong khi thi hành công vụ.</p> <p>2A7. Nêu được định nghĩa tội bức tử.</p> <p>2A8. Nêu được định nghĩa tội xúi giục và giúp người khác tự sát.</p> <p>2A9. Nêu được định nghĩa tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.</p> <p>2A10. Nêu được định nghĩa tội cố ý truyền HIV cho người khác và tội lây truyền HIV cho người khác.</p> <p>2A11. Nêu được định nghĩa tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS).</p> <p>2A12. Nêu được định nghĩa tội hành hạ người khác (Điều 140 BLHS).</p>	<p>2B5. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội làm chết người trong khi thi hành công vụ. Cho được ví dụ.</p> <p>2B6. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội bức tử. Cho được ví dụ.</p> <p>2B7. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội xúi giục và tội giúp người khác tự sát. Cho được ví dụ.</p> <p>2B8. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng. Cho được ví dụ.</p> <p>2B9. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Cho được ví dụ.</p>	<p>được sự khác biệt giữa tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 126 BLHS).</p> <p>2C4. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội giết người với tội làm chết người trong khi thi hành công vụ.</p> <p>2C5. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội giết người với tội bức tử.</p>
<p>Vấn đề 3. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người</p>	<p>3A1. Nêu được định nghĩa tội hiếp dâm.</p> <p>3A2. Nêu được định nghĩa tội cưỡng dâm.</p> <p>3A3. Nêu được định nghĩa tội giao cấu với trẻ em.</p> <p>3A4. Nêu được định nghĩa</p>	<p>3B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội hiếp dâm. Cho được ví dụ.</p> <p>3B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội cưỡng dâm. Cho được ví dụ.</p>	<p>3C1. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội hiếp dâm với tội cưỡng dâm.</p> <p>3C2. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội hiếp dâm</p>

	<p>tội dâm ô đối với trẻ em.</p> <p>3A5. Nêu được định nghĩa tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em.</p> <p>3A6. Nêu được định nghĩa tội mua bán người.</p> <p>3A7. Nêu được định nghĩa tội làm nhục người khác.</p> <p>3A8. Nêu được định nghĩa tội vu khống.</p>	<p>3B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội giao cấu với trẻ em. Cho được ví dụ.</p> <p>3B4. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội dâm ô đối với trẻ em. Cho được ví dụ.</p> <p>3B5. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em. Cho được ví dụ.</p> <p>3B6. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội mua bán người. Cho được ví dụ.</p> <p>3B7. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội làm nhục người khác. Cho được ví dụ.</p> <p>3B8. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội vu khống. Cho được ví dụ.</p> <p>3B9. Phân tích được các tình tiết định khung tăng nặng của tội hiếp dâm.</p> <p>3B10. Vận dụng được kiến thức về dấu hiệu pháp lý của tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự để giải quyết các vụ</p>	<p>trẻ em với tội giao cấu với trẻ em.</p> <p>3C3. Lý giải được chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với tội hiếp dâm trẻ em.</p>
--	---	--	--

		<p>án thực tiễn.</p> <p>3B11. Vận dụng được kiến thức về các tình tiết định khung tăng nặng của các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự để xác định trong các vụ án cụ thể.</p>	
<p>Vấn đề 4. Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân</p>	<p>4A1. Nêu được đặc điểm chung của các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân (về khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm từ Điều 157 đến Điều 167 BLHS).</p> <p>4A2. Nêu được định nghĩa tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157 BLHS).</p> <p>4A3. Nêu được định nghĩa tội xâm phạm chỗ ở của công dân (Điều 158 BLHS).</p> <p>4A4. Nêu được định nghĩa tội xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử của công dân và tội làm sai lệch kết quả bầu cử (Điều 160 và Điều 161 BLHS).</p> <p>4A5. Nêu được định nghĩa tội buộc cán bộ, công chức thôi việc trái pháp luật (Điều 162 BLHS).</p>	<p>4B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật. Cho được ví dụ.</p> <p>4B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội xâm phạm chỗ ở của công dân. Cho được ví dụ.</p> <p>4B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của các tội quy định tại các điều 157; 158; 160 161; 162; 165 BLHS). Nêu được ví dụ cho mỗi tội.</p> <p>4B4. Vận dụng được kiến thức về dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân để giải quyết được tình huống cụ thể.</p>	<p>4C1. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội bắt, giữ, giam người trái pháp luật với tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113 BLHS).</p> <p>4C2. Đưa ra được nhận xét cá nhân về chính sách hình sự đối với các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.</p>

	<p>4A6. Nêu được định nghĩa tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ (Điều 165 BLHS).</p> <p>4A7. Nêu được định nghĩa tội xâm phạm quyền khiếu nại tố cáo của công dân (Điều 166 BLHS).</p>		
<p>Vấn đề 5. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình</p>	<p>5A1. Nêu được khái niệm chung về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình (từ Điều 181 đến Điều 187 BLHS).</p> <p>5A2. Nêu được định nghĩa tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ (Điều 181BLHS).</p> <p>5A3. Nêu được định nghĩa tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng (Điều 182 BLHS).</p> <p>5A4. Nêu được định nghĩa tội tổ chức tảo hôn (Điều 183 BLHS).</p> <p>5A5. Nêu được định nghĩa tội loạn luân (Điều 184 BLHS).</p> <p>5A6. Nêu được định nghĩa tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công</p>	<p>5B1. Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ. Cho được ví dụ.</p> <p>5B2. Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm chế độ một vợ một chồng. Cho được ví dụ.</p> <p>5B3. Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của tội đăng kí kết hôn trái pháp luật. Cho được ví dụ.</p> <p>5B4. Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của tội loạn luân. Cho được ví dụ.</p> <p>5B5. Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình. Cho được ví dụ.</p> <p>5B6. Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa</p>	<p>5C1. Nhận xét được cách xây dựng cấu thành cơ bản đối với các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình (từ Điều 181 đến Điều 187BLHS).</p> <p>5C2. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội cưỡng ép kết hôn với tội cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ với tội hành hạ người khác.</p> <p>5C3. So sánh được tội loạn luân với tội giao cấu với trẻ em có tính chất loạn luân.</p>

	<p>nuôi dưỡng mình (Điều 185 BLHS).</p> <p>5A7. Nêu được định nghĩa tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 186 BLHS).</p>	<p>vụ cấp dưỡng. Cho được ví dụ.</p> <p>5B7. Vận dụng được quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.</p>	
<p>Vấn đề 6.</p> <p>Các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt</p>	<p>6A1. Nêu được khái niệm các tội xâm phạm sở hữu.</p> <p>6A2. Nêu được khái niệm các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt.</p> <p>6A3. Trình bày được khái niệm chiếm đoạt tài sản.</p> <p>6A4. Nêu được định nghĩa về từng tội xâm phạm sở hữu cụ thể.</p>	<p>6B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội cướp tài sản (Điều 168 BLHS). Cho được ví dụ.</p> <p>6B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169 BLHS). Cho được ví dụ.</p> <p>6B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170 BLHS). Cho được ví dụ.</p> <p>6B4. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội cướp giật tài sản. Cho được ví dụ.</p> <p>6B5. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172 BLHS). Cho được ví dụ.</p> <p>6B6. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản (Điều</p>	<p>6C1. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội cướp tài sản và tội cưỡng đoạt tài sản.</p> <p>6C2. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113 BLHS).</p> <p>6C3. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội cướp giật tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.</p> <p>6C4. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội trộm cắp với tội chiếm giữ trái phép tài sản.</p>

		<p>173 BLHS). Cho được ví dụ.</p> <p>6B7. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS). Cho được ví dụ.</p> <p>6B8. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175 BLHS). Cho được ví dụ.</p> <p>6B9. Giải thích được tình tiết định khung hình phạt tăng nặng của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt.</p> <p>6B10. Vận dụng được quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.</p>	<p>6C5. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.</p> <p>6C6. Đưa ra được ý kiến cá nhân về tính bất cập trong kỹ thuật lập pháp đối với quy định tại Điều 175 BLHS.</p>
<p>Vấn đề 7.</p> <p>Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt</p>	<p>7A1. Định nghĩa được các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt.</p> <p>7A2. Định nghĩa được các tội xâm phạm sở hữu không có mục đích tư lợi.</p>	<p>7B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của nhóm tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt (Điều 176,177 BLHS). Cho được ví dụ.</p> <p>7B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu không có mục đích tư lợi (Điều 178, 179, 180BLHS).</p>	<p>7C1. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước (Điều 179 BLHS) và tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản</p>

		<p>Cho được ví dụ.</p> <p>7B3. Giải thích được các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng của các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt.</p> <p>7B4. Vận dụng được quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.</p>	<p>(Điều 180BLHS).</p> <p>7C2. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178 BLHS) với tội phá hoại cơ sở vật chất - kĩ thuật của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (Điều 114 BLHS).</p>
<p>Vấn đề 8.</p> <p>Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế</p>	<p>8A1. Nêu được khái niệm nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.</p> <p>8A2. Nêu được định nghĩa tội buôn lậu (Điều 188 BLHS).</p> <p>8A3. Nêu được định nghĩa tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới (Điều 189 BLHS).</p> <p>8A4. Nêu được định nghĩa tội buôn bán hàng cấm (Điều 190 BLHS).</p> <p>8A5. Nêu được định nghĩa tội buôn bán hàng giả (Điều 191 BLHS).</p> <p>8A7. Nêu được định nghĩa tội đầu cơ (Điều 196 BLHS).</p>	<p>8B1. Phân tích được đặc điểm chung của nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.</p> <p>8B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội buôn lậu. Cho được ví dụ.</p> <p>8B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới. Cho được ví dụ.</p> <p>8B4. Phân biệt được tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới (Điều 189 BLHS) với hành vi giúp sức của trường hợp đồng phạm trong tội buôn lậu.</p>	<p>8C1. Đưa ra được ý kiến cá nhân về chính sách hình sự của Nhà nước ta về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.</p> <p>8C2. Đưa ra được quan điểm cá nhân về đối tượng tác động của tội buôn lậu và đường lối xử lý tội này.</p> <p>8C3. Đưa ra được quan điểm cá nhân về đường lối xử lý đối với tội vận chuyển trái phép hàng</p>

	<p>8A8. Nêu được định nghĩa tội trốn thuế (Điều 200 BLHS).</p> <p>8A9. Nêu được định nghĩa tội lừa dối khách hàng (Điều 198 BLHS).</p>	<p>8B5. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội buôn bán hàng cấm. Cho được ví dụ.</p> <p>8B6. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội buôn bán hàng giả. Cho được ví dụ.</p> <p>8B7. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội kinh doanh trái phép. Cho được ví dụ.</p> <p>8B8. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội đầu cơ. Cho được ví dụ.</p> <p>8B9. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội trốn thuế. Cho được ví dụ.</p> <p>8B10. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội lừa dối khách hàng. Cho được ví dụ.</p> <p>8B12. Vận dụng được quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.</p>	<p>hoá, tiền tệ qua biên giới được quy định tại Điều 189 BLHS.</p>
<p>Vấn đề 9. Các tội phạm về môi trường</p>	<p>9A1. Nêu được định nghĩa tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235 BLHS).</p> <p>9A2. Nêu được định nghĩa</p>	<p>9B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội gây ô nhiễm môi trường. Cho được ví dụ. Vận dụng</p>	<p>9C1. Đưa ra được quan điểm cá nhân về chính sách hình sự của</p>

	<p>tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236 BLHS).</p> <p>9A3. Nêu được định nghĩa tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239 BLHS).</p> <p>9A4. Nêu được định nghĩa tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người (Điều 240 BLHS).</p> <p>9A5. Nêu được định nghĩa tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242 BLHS).</p> <p>9A6. Nêu được định nghĩa tội huỷ hoại rừng (Điều 243BLHS).</p> <p>9A7. Nêu được định nghĩa tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245 BLHS).</p>	<p>được quy định của BLHS về tội gây ô nhiễm môi trường để áp dụng vào tình huống cụ thể.</p> <p>9B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại. Cho được ví dụ. Vận dụng được quy định của BLHS về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại để áp dụng vào tình huống cụ thể.</p> <p>9B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam. Cho được ví dụ. Vận dụng được quy định của BLHS về tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam để áp dụng vào tình huống cụ thể.</p> <p>9B4. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người. Cho được ví dụ. Vận dụng được quy định của BLHS về tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người để áp dụng vào tình huống cụ thể.</p> <p>9B5. Phân tích được dấu</p>	<p>Nhà nước đối với tội phạm về môi trường quy định trong BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.</p>
--	---	--	--

		<p>hiệu pháp lý của tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản. Cho được ví dụ. Vận dụng được quy định của BLHS về tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản để áp dụng vào tình huống cụ thể.</p> <p>9B6. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội huỷ hoại rừng. Cho được ví dụ. Vận dụng được quy định của BLHS về tội huỷ hoại rừng để áp dụng vào tình huống cụ thể.</p> <p>9B7. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên. Cho được ví dụ. Vận dụng được quy định của BLHS về tội vi phạm quy định quản lý khu bảo tồn thiên nhiên để áp dụng vào tình huống cụ thể.</p>	
<p>Vấn đề 10. Các tội phạm về ma tuý</p>	<p>10A1. Nêu được khái niệm chung các tội phạm về ma tuý.</p> <p>10A2. Nêu được định nghĩa tội sản xuất trái phép chất ma tuý (Điều 248 BLHS).</p> <p>10A3. Nêu được định nghĩa tội tàng trữ, vận</p>	<p>10B1. Phân tích được đặc điểm chung của đối tượng tác động của các tội phạm về ma tuý.</p> <p>10B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý thuộc 4 yếu tố cấu thành tội sản xuất trái phép chất ma tuý. Cho được ví dụ.</p>	<p>10C1. Đánh giá chính sách hình sự của Nhà nước đối với người sử dụng trái phép chất ma tuý trong BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.</p>

	<p>chuyên trái phép chất ma túy (Điều 249, 250 BLHS).</p> <p>10A4. Nêu được định nghĩa tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251 BLHS).</p> <p>10A5. Nêu được định nghĩa tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252 BLHS).</p> <p>10A6. Nêu được định nghĩa tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255 BLHS).</p> <p>10A7. Nêu được định nghĩa tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256 BLHS).</p>	<p>10B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý thuộc 4 yếu tố cấu thành tội tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Cho được ví dụ.</p> <p>10B4. Phân tích được dấu hiệu pháp lý thuộc 4 yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy. Cho được ví dụ.</p> <p>10B5. Phân biệt tội mua bán trái phép chất ma túy với tội tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy.</p> <p>10B6. Phân tích được dấu hiệu pháp lý thuộc 4 yếu tố cấu thành tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy. Cho được ví dụ.</p> <p>10B7. Phân tích được dấu hiệu pháp lý thuộc 4 yếu tố cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cho được ví dụ.</p> <p>10B8. Phân tích được dấu hiệu pháp lý thuộc 4 yếu tố cấu thành tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Cho được ví dụ.</p>	<p>10C2. Bình luận quy định của BLHS về các tội phạm về ma túy.</p>
--	---	--	--

		10B9. Vận dụng được quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.	
Vấn đề 11. Các tội xâm phạm an toàn công cộng	<p>11A1. Nêu được khái niệm chung về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.</p> <p>11A2. Nêu được định nghĩa tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ (Điều 260 BLHS).</p> <p>11A3. Nêu được định nghĩa tội điều động, và tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Điều 262, 263 BLHS).</p> <p>11A4. Nêu được định nghĩa tội tổ chức đua xe trái phép và tội đua xe trái phép (Điều 265, 266 BLHS).</p> <p>11A5. Nêu được định nghĩa tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 303 BLHS).</p> <p>11A6. Nêu được định</p>	<p>11B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý chung của các tội xâm phạm an toàn công cộng.</p> <p>11B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Cho được ví dụ. Phân tích được các tình tiết định khung tăng nặng của tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.</p> <p>11B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Cho được ví dụ.</p> <p>11B4. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội đua xe và tổ chức đua xe trái phép. Cho được ví dụ. Phân tích được các tình tiết định khung tăng nặng</p>	<p>11C1. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ trong trường hợp gây thiệt hại cho tính mạng người khác với tội vô ý làm chết người (Điều 128 BLHS) hoặc giữa trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 BLHS với trường hợp phạm tội được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 BLHS.</p> <p>11C2. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội đua xe trái phép trong trường hợp gây thiệt hại cho tính</p>

	<p>nghĩa tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự. (Điều 304 BLHS).</p> <p>11A7. Nêu được định nghĩa tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm (Điều 317 BLHS).</p>	<p>của tội đua xe và tổ chức đua xe trái phép.</p> <p>11B5. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội phá huỷ công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia. Cho được ví dụ.</p> <p>11B6. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự. Cho được ví dụ.</p> <p>11B7. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.</p> <p>11B8. Vận dụng được kiến thức về các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm an toàn công cộng để giải quyết các tình huống cụ thể.</p>	<p>mạng, sức khoẻ của người khác với trường hợp phạm tội được quy định tại khoản 1 Điều 260 BLHS.</p> <p>11C3. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội phá huỷ công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia với: Tội phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (Điều 114 BLHS); tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178 BLHS).</p> <p>11C4. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội chiếm đoạt vũ khí quân dụng với các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt.</p> <p>11C5. Đưa ra được quan điểm</p>
--	--	---	---

			<p> cá nhân đối với quy định về tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm so với yêu cầu phòng chống loại tội phạm này hiện nay.</p>
<p>Vấn đề 12. Các tội xâm phạm trật tự công cộng</p>	<p>12A1. Nêu được định nghĩa tội gây rối trật tự công cộng (Điều 318 BLHS).</p> <p>12A2. Nêu được định nghĩa tội đánh bạc, và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (Điều 321 và Điều 322 BLHS).</p> <p>12A3. Nêu được định nghĩa tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 323 BLHS).</p> <p>12A4. Nêu được định nghĩa tội truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy (Điều 326 BLHS).</p> <p>12A5. Nêu được định nghĩa tội hành nghề mê tín dị đoan (Điều 320 BLHS).</p> <p>12A6. Nêu được định nghĩa tội chứa mại dâm và tội môi giới mại dâm</p>	<p>12B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội gây rối trật tự công cộng.</p> <p>12B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc và tội gá bạc.</p> <p>12B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.</p> <p>12B4. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy.</p> <p>12B5. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội hành nghề mê tín dị đoan.</p> <p>12B6. Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của tội chứa mại dâm và tội môi</p>	<p>12C1. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội gây rối trật tự công cộng với tội bạo loạn (Điều 112 BLHS) và tội phá rối an ninh (Điều 118 BLHS).</p> <p>12C2. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội đánh bạc với tội tổ chức đánh bạc.</p> <p>12C3. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (Điều 117 BLHS).</p>

	<p>(Điều 327, 328 BLHS).</p> <p>12A7. Nêu được định nghĩa tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329 BLHS).</p>	<p>giới mại dâm.</p> <p>12B7. Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của tội mua dâm người chưa thành niên.</p> <p>12B8. Vận dụng được kiến thức về các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm trật tự công cộng để giải quyết các tình huống cụ thể.</p>	<p>12C4. Đưa ra được nhận xét cá nhân về chính sách hình sự của Nhà nước về xử lý đối với người có hành vi mua, bán, môi giới mại dâm.</p> <p>12C5. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội mua dâm người chưa thành niên với tội giao cấu với trẻ em (Điều 145 BLHS).</p>
<p>Vấn đề 13. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính</p>	<p>13A1. Nêu được đặc điểm khái quát các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính.</p> <p>13A2. Nêu được định nghĩa tội chống người thi hành công vụ (Điều 330 BLHS).</p> <p>13A3. Nêu được định nghĩa tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước, tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước (Điều 337 BLHS).</p> <p>13A4. Nêu được định nghĩa tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép</p>	<p>13B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội chống người thi hành công vụ. Cho được ví dụ.</p> <p>13B2. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước, tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước (phân biệt được tài liệu bí mật nhà nước với tin tức, tài liệu bí mật công tác).</p> <p>13B3. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; tội ở lại Việt Nam</p>	<p>13C1. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội chống người thi hành công vụ với tội giết người theo điểm d khoản 1 Điều 123 BLHS, tội cố ý gây thương tích theo điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS.</p> <p>13C2. Nhận xét được sự khác biệt giữa tội xuất cảnh trái phép và tội trốn đi nước ngoài hoặc ở lại</p>

	(Điều 347 BLHS). 13A5. Nêu được định nghĩa tội tổ chức, môi giới cho người khác và cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 349, 350 BLHS).	trái phép. 13B4. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép. 13B5. Vận dụng được quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.	nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 121 BLHS).
Vấn đề 14. Các tội phạm về tham nhũng	14A1. Nêu được khái niệm của các tội phạm về tham nhũng (từ Điều 353 đến Điều 359 BLHS). 14A2. Nêu được đặc điểm chung của các tội phạm về tham nhũng.	14B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về tham nhũng (từ Điều 353 đến Điều 359 BLHS). 14B2. Dựa vào dấu hiệu pháp lý của các cấu thành tội phạm nhận xét được sự khác nhau giữa các tội được quy định tại Điều 353 với Điều 355; Điều 354 với Điều 358; Điều 356 với Điều 357 BLHS. 14B3. Vận dụng được quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.	14C1. Đưa ra được nhận xét chung về tính nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm về chức vụ và hình phạt đối với các tội phạm này. 14C2. Bình luận được về phạm vi chủ thể và đối tượng tác động của tội tham ô tài sản (Điều 353 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

<p>Vấn đề 15. Các tội phạm khác về chức vụ</p>	<p>15A1. Nêu được định nghĩa của từng tội được quy định tại các điều từ Điều 360 đến Điều 366 BLHS.</p>	<p>15B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý của các tội phạm quy định tại các điều từ 360 đến 366 BLHS.</p> <p>15B2. Phân tích được các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng của các tội phạm quy định tại các điều 364, 365, 366 BLHS.</p> <p>15B3. Dựa vào dấu hiệu pháp lý của các cấu thành tội phạm nhận xét được sự khác nhau giữa các tội quy định tại Điều 364 với Điều 365 và Điều 366 BLHS.</p> <p>15B4. Vận dụng được quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.</p>	<p>15C1. Bình luận được khái niệm tội phạm về chức vụ theo quy định tại Điều 352 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.</p>
<p>Vấn đề 16. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp</p>	<p>16A1. Nêu được khái niệm chung của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.</p> <p>16A2. Nêu được định nghĩa và dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội truy cứu trách</p>	<p>16B1. Phân tích được dấu hiệu pháp lý đặc trưng của từng tội phạm quy định tại các điều 370, 373, 376, 377, 386 BLHS. Cho được ví dụ.</p>	<p>16C1. Nhận xét được chính sách hình sự thể hiện tại Điều 388 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung</p>

	<p>nhiệm hình sự người không có tội (Điều 368 BLHS).</p> <p>16A3. Nêu được định nghĩa và dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội ra bản án trái pháp luật (Điều 370 BLHS).</p> <p>16A4. Nêu được định nghĩa và dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội dùng nhục hình (Điều 298 BLHS).</p> <p>16A5. Nêu được định nghĩa và dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn (Điều 376 BLHS).</p> <p>16A6. Nêu được định nghĩa và dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giam, giữ người trái pháp luật (Điều 377 BLHS).</p> <p>16A7. Nêu được định nghĩa và dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử (Điều 386 BLHS).</p>	<p>16B2. Vận dụng lý thuyết về các tội phạm nêu trên để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.</p> <p>16B3. Phân biệt được tội dùng nhục hình (Điều 373 BLHS) với tội hành hạ người khác (Điều 140 BLHS).</p> <p>16B4. Phân biệt được tội thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn (Điều 376 BLHS) với tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 360 BLHS).</p> <p>16B5. Vận dụng quy định về dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm để xác định tội danh trong các tình huống cụ thể.</p>	<p>năm 2017 với Điều 314 BLHS năm 2009.</p>
--	---	---	---

4. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VD	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	16 vấn đề	13	12		5

4.2. Lịch trình chi tiết

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1- 2	<p>Chương 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia</p> <p>1.1. Lịch sử lập pháp hình sự đấu tranh chống các tội xâm phạm an ninh quốc gia</p> <p>1.2. Các tội phạm cụ thể xâm phạm an ninh quốc gia</p> <p>1.2.1. Khái niệm về các tội xâm phạm an ninh quốc gia</p> <p>1.2.2. Các tội trực tiếp uy hiếp sự tồn tại của chính quyền nhân dân</p> <p>1.2.3. Các tội trực tiếp uy hiếp sự vững mạnh của chính quyền nhân dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV sinh hoạt chung về môn học, và giao bài tập cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sv lắng nghe và nhận bài tập từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 3 - 5	<p>Chương 2. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người</p> <p>2.1. Các tội xâm phạm tính mạng con người</p> <p>2.1.1. Khái niệm chung</p> <p>2.1.2. Các tội phạm cụ thể</p> <p>2.2. Các tội xâm phạm sức khỏe con người</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	2.2.1. Khái niệm chung 2.2.2. Các tội phạm cụ thể		
Tiết 6-7	Chương 3. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người 3.1. Khái niệm chung 3.2. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 8	Chương 4. Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân 4.1. Khái niệm chung 4.2. Các tội phạm cụ thể	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 9	Chương 5. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình 5.1. Khái niệm chung 5.2. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 10-11	Chương 6. Các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt 6.1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm sở hữu 6.1.1. Khái niệm các tội xâm phạm sở hữu 6.1.2. Các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS Việt Nam 6.2. Các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt 6.2.1. Khái niệm chung	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	6.2.2. Các tội phạm cụ thể		
Tiết 12-13	Chương 7. Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt 7.1. Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt 7.1.1. Khái niệm chung 7.1.2. Các tội phạm cụ thể 7.2. Các tội xâm phạm sở hữu không có mục đích tư lợi	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 14-17	Chương 8. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế 8.1. Những vấn đề chung 8.2. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 18	Chương 9. Các tội phạm về môi trường 9.1. Khái niệm chung 9.2. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 19	Chương 10. Các tội phạm về ma túy. 10.1. Khái niệm chung 10.2. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết	Chương 11. Các tội xâm phạm an toàn công cộng	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.	- SV nghe giảng, ghi chép.

20-21	11.1. Khái niệm chung 11.2. Các tội phạm cụ thể	- Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 22-23	Chương 12. Các tội xâm phạm trật tự công cộng 12.1. Khái niệm chung 12.2. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 24-25	Chương 13. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính 13.1. Khái niệm chung 13.2. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 26	Chương 14. Các tội phạm về tham nhũng 14.1. Sơ lược lịch sử lập pháp hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam về các tội phạm về chức vụ 14.2. Khái niệm và những đặc điểm chung của các tội phạm về chức vụ 14.3. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 27	Chương 15. Các tội phạm khác về chức vụ 15.1. Khái niệm chung 15.2. Các tội phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi,	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các

		điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 28	Chương 16. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp 16.1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp 16.2. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do người có chức vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp thực hiện 16.3. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do những người có nghĩa vụ phải giúp cơ quan tư pháp trong hoạt động tư pháp thực hiện 16.4. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là đối tượng của các bản án hoặc quyết định của cơ quan tư pháp 16.5. Các tội xâm phạm cụ thể	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10

2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm Tổng: 10 điểm 	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lời cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm 	10
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi. 	10

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017;
2. Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO LỰA CHỌN

- 1 Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – phần chung*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam. 2015
- 2 Nguyễn Văn Thuyết (2017), *Bình luận những điểm mới của Bộ luật Hình sự hiện hành*, Nxb CTQG- Sự Thật, Hà Nội.
- 3 Nguyễn Tất Thành (2013), *Luật hình sự một số nước trên thế giới – phần chung*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội

- 4 Vũ Thị Thúy (2010), *Hình phạt tử hình trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc Gia, Tp HCM.
- 5 Võ Thị Kim Oanh chủ biên (2015), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam, Tp HCM.
- 6 Nghị quyết Số: 03/2019/NQ-HĐTPN hướng dẫn áp dụng điều 324 của Bộ Luật Hình Sự về tội rửa tiền do Hội Đồng Thẩm Phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao ban hành.
- 7 Nghị quyết Số: 02/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng điều 150 về tội mua bán người và điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ Luật Hình Sự do Hội Đồng Thẩm Phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao ban hành

Cần Thơ, ngày.....tháng..... năm.....

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN